

Bản án số: 562/2017/HS-PT
Ngày 20 tháng 10 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Ba**

Các Thẩm phán: Ông **Phan Đức Phương**

Ông **Trần Văn Mười**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Anh Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19-20 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 414/2017/TLPT-HS ngày 18 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo Dương Minh T và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

*** Bị cáo kháng cáo:**

1. Dương Minh T (Tâm Xì Tin), sinh năm 1980.

Trú tại: 136/39 HQV, KV.4, p. AB, q. NK, tp. Cần Thơ.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Trình độ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: Nguyên phó Chánh thanh tra giao thông thành phố Cần Thơ.

Con ông: Dương Tiến B và bà: Vũ Thị H;

Vợ: Nguyễn Thị L; có 01 con sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giam: 15-9-2016.

2. Đoàn Vũ D, sinh năm 1978.

Trú tại: 79/2/11A XVNT, p. AC, q. NK, tp. Cần Thơ.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Trình độ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: nguyên Đội trưởng Đội thanh tra giao thông số 11 thành phố Cần Thơ.

Con ông: Đoàn Văn D1 và bà: Huỳnh Thị S;

Vợ: Phạm Ngọc D2; có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không.

Tạm giam: 20-7-2016.

3. Võ Hoàng A, sinh năm 1982.

Trú tại: H 77 KDC PA, p. PT, q. CR, tp. Cần Thơ.

278/32/21 TV, p. HL, q. NK, tp. Cần Thơ.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông: Võ Văn B1 và bà: Nguyễn Thị C;

Vợ: Nguyễn Thanh Th;

Có 02 con: lớn sinh năm 2005 – nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: không.

Tạm giam: 18-7-2016.

4. Lý Hoàng M (Minh Xuồng), sinh năm 1985.

Trú tại: 51Q/4 NVL, KV. 3, p. AK, q. NK, tp. Cần Thơ.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam;

Trình độ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: Nguyên Đội phó Đội thanh tra giao thông số 3 thành phố Cần Thơ.

Con ông: Lý Khánh Đ và bà: Trần Thị S1;

Vợ: NLQ116;

Có 02 con: lớn sinh năm 2013 – nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không.

Tạm giam: 16-7-2016.

5. Nguyễn Trần L1, sinh năm 1977.

Trú tại: 38/2/17 đường 3-2, p. HL, q. NK, tp. Cần Thơ.

KDC UB, KV. LT2, p.TK, q.TN, tp.Cần Thơ.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam;

Trình độ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: nguyên Đội trưởng Đội thanh tra giao thông số 6 thành phố Cần Thơ.

Con ông: Nguyễn Hữu P và bà: Trần Thị S2;

Vợ: Nguyễn Thị Ngọc D3;

Có 02 con: lớn sinh năm 2013 – nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không.

Tạm giam: 07-12-2016; Cho bảo lãnh: 16-3-2017.

6. Hồ Công Th1, sinh năm 1977.

Trú tại: 36/9A đường 3-2, p. HL, q. NK, tp. Cần Thơ.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Trình độ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: nguyên Đội phó Đội thanh tra giao thông số 7 thành phố Cần Thơ.

Con ông: NLQ118 và bà: Lê Thị Tuyết M1;

Vợ: Nguyễn Xuân H1 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: không.

Tạm giam: 07-12-2016; Cho bảo lãnh: 18-01-2017.

7. Trần Lập P1, sinh năm 1986.

Trú tại: ấp LH1, xã LP, thị xã LM, Hậu Giang.

136/49 HQV, p. AB, q. NK, tp. Cần Thơ.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Trình độ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: nguyên nhân viên Đội thanh tra giao thông số 4 thành phố Cần Thơ.

Con ông: NLQ119 và bà: Võ Kim L2;

Vợ: Lục Bảo Y; có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không.

Tạm giam: 07-12-2016; Cho bảo lãnh: 25-01-2017.

8. Nguyễn Văn C1, sinh năm 1987.

Trú tại: ấp TL, xã TL, huyện TB, Vĩnh Long.

ấp Phước Lợi B, xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, Vĩnh Long.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Trình độ học vấn: 4/12;

Nghề nghiệp: không;

Con ông: Nguyễn Văn T2 và bà: Nguyễn Thị B2.

Tiền án, tiền sự: không.

Tạm giam: 16-7-2016.

9. Trần Tường A1, sinh năm 1978.

Trú tại: 116F/3, KV. 1, p. AB, q. NK, tp. Cần Thơ.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Trình độ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: kinh doanh;

Con ông: Trần Hoàng M2 và bà: Nguyễn Thị M3;

Vợ: NLQ120;

Có 02 con: lớn sinh năm 2012 – nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không.

Tạm giam: 07-12-2016.

Luật sư bào chữa cho bị cáo:

- Lê Hoàng N1 – đoàn luật sư TP Cần Thơ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C1.

- Luật sư Trần Nguyễn Duy Th3 – Đoàn luật sư TP Cần Thơ bào chữa cho bị cáo Hồ Công Th1.

- Luật sư Trần Vũ Thanh T3 – đoàn luật sư TP Cần Thơ bào chữa cho bị cáo Võ Hoàng A.

- Luật sư Phạm Văn H2 – đoàn luật sư TP Cần Thơ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trần L1.

- Luật sư Trương Vĩnh T4 – đoàn luật sư TPHCM bào chữa cho bị cáo Đoàn Vũ D.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. NLQ, sinh năm: 1973 (Công ty cổ phần SX-TM-DV-VT SG)

Trú tại: 667 NVL, p. LH, q. BT, tp. Cần Thơ.

2. NLQ2, sinh năm: 1973 (Công ty cổ phần xi măng TĐ - OM)

Trú tại: 9B 30 KDC 91B, p. AK, q. NK, tp. Cần Thơ.

3. NLQ3, sinh năm: 1978 (Công ty TNHH MTV PL)

Trú tại: 116A/5 KV. BN, p. LH, BT, tp. Cần Thơ.

4. NLQ4, sinh năm: 1977 (Công ty TNHH TTP-Tiền Giang)

NLQ4.1, sinh năm: 1976

Trú tại: ấp AK, xã MTA, huyện CG, Tiền Giang.

5. NLQ5(Chành xe Nhi Lẻm), sinh năm: 1963

- Trú tại: 59B đường 3-2, p. XK, q. NK, tp. Cần Thơ.
6. NLQ6, sinh năm: 1978 (Công ty TNHH PN - NK).
Trú tại: 102/2G đường 3-2, p. HL, q. NK, tp. Cần Thơ.
7. NLQ7, sinh năm: 1968 (Công ty TNHH MTV BT và XD Delta - An Giang).
Trú tại: 13B5 NTH, p. BK, tp. LX, An Giang.
8. NLQ8, sinh năm: 1984. (Cửa hàng VLXD ĐP-CĐ)
Trú tại: ấp TQ1, xã TH, huyện CĐ, tp. Cần Thơ.
9. NLQ9, sinh năm: 1970. (Cửa hàng VLXD HAL-TN).
Trú tại: KV. TA2, p. TA, q. TN, tp. Cần Thơ.
- NLQ9.1, sinh năm: 1967
Trú tại: 1623 KV.TA2, p. TA, q. TN.
10. NLQ10, sinh năm 1959
Trú tại: KV. TB2, p. TT, q. TN, tp. Cần Thơ.
11. NLQ11, sinh năm: 1971
Trú tại: KV. TT, p. TT, q. TN, tp. Cần Thơ.
12. NLQ12, sinh năm: 1982. (Cửa hàng VLXD MB-AG)
Trú tại: KV. TH, p. MT, tp. LX, An Giang.
13. NLQ13, sinh năm: 1963
Trú tại: QL 91, p. TK, q. TN, tp. Cần Thơ.
14. NLQ14, sinh năm: 1984.
Trú tại: Lô 9 L 2 KDC MH, khóm TK6, tp. LX, An Giang.
15. NLQ15 (Hợp tác xã TT - Tiền Giang), sinh năm: 1972
Trú tại: 1 VT, P. 1, tp. MT, Tiền Giang.
16. NLQ16(Cửa hàng VLXD ML), sinh năm: 1978
Trú tại: ấp TL 1, p. TA, q. TN, tp. Cần Thơ.
17. NLQ17, sinh năm: 1989. (Công ty cổ phần BV-PĐ)
Trú tại: QL 61B, thị trấn PĐ, huyện PĐ, tp. Cần Thơ.
18. NLQ18, sinh năm: 1956 (Công ty cổ phần HN - TP. Hồ Chí Minh).
Trú tại: 1090 NVQ, khu phố 1A, P. ĐHT, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh.
19. NLQ19, sinh năm: 1970. (Công ty TNHH THP-TP. Hồ Chí Minh)
Trú tại: 221 NHĐ, P. 14, q. TB, TP. Hồ Chí Minh.
20. NLQ20, sinh năm: 1971. (Hợp tác xã HP - Sóc Trăng)
NLQ20.1, sinh năm: 1972

- Trú tại: 18/9/87 XVNT, p. AH, q. NK, tp. Cần Thơ.
116/11 XVNT, p. AH, q. NK, tp. Cần Thơ.
21. NLQ21, sinh năm: 1972 (DNTN MN-NK)
Trú tại: 381N8 KV.2, p. AK, q. NK, tp. Cần Thơ.
22. NLQ22, sinh năm: 1975 (Xí nghiệp vận tải cảng AG)
Trú tại: ấp PT, xã PH, huyện TS, An Giang.
23. NLQ23, sinh năm: 1979 (Công ty vận tải QV-CĐ)
Trú tại: khóm 8, p. CP A, tp. CĐ, An Giang.
24. NLQ24, sinh năm: 1983 (Công ty TNHH QH và công ty TNHH HD).
Trú tại: 135A LBB, p. TTH, q. TP, TP. Hồ Chí Minh.
25. NLQ25, sinh năm: 1984 (DNTN TTP - VLXD Nhơn Ái - TN)
Trú tại: KV. TH2, p. TT, q. TN, tp. Cần Thơ.
26. NLQ26, sinh năm: 1983 (Công ty TNHH PA-TL)
Trú tại: ấp TP A, xã TT, huyện TL, tp. Cần Thơ.
27. NLQ27, sinh năm: 1986 (Công ty TNHH TD).
Trú tại: ấp TP A, xã TT, huyện TL, tp. Cần Thơ.
28. NLQ28, sinh năm: 1980 (Công ty TNHH TP - An Giang)
Trú tại: 363/1A tổ 12, khóm BK, p. MK, tp. LX, An Giang.
29. NLQ29, sinh năm: 1985 (DNTN TT-AG)
Trú tại: 3B ấp LĐ, xã PT, huyện TN, Đồng Tháp.
30. NLQ30, sinh năm: 1979 (DNTN - VLXD TC - TL)
Trú tại: ấp TT B, thị trấn TL, huyện TL, tp. Cần Thơ.
31. NLQ31, sinh năm: 1988 (Công ty TNHH TNT - TP. Hồ Chí Minh)
Trú tại: 627/6A QL 1A, p. AL, q. BT, TP. Hồ Chí Minh.
32. NLQ32, sinh năm: 1973 (Công ty TNHH KD-TP. Hồ Chí Minh)
Trú tại: 9/57 PVH, P. 1, q. TB, TP. Hồ Chí Minh.
33. NLQ33, sinh năm: 1976 (Công ty TNHH MTV NLQ33 - Tiền Giang)
Trú tại: ấp TK, xã ATT, huyện CG, Tiền Giang.
34. NLQ34, sinh năm: 1976 (Công ty cổ phần CTGT Đồng Nai)
Trú tại: D 37 khu phố 5, p.TH, tp. BH, Đồng Nai.
35. NLQ35, sinh năm: 1979 (Công ty TNHH HN)
Trú tại: 14 ấp PL, xã TPĐ, tp. SĐ, Đồng Tháp.
36. NLQ36, sinh năm: 1978 (Công ty TNHH MTV NL-NK) nay là (công ty vận tải LS)

- Trú tại: 122/2A TP, p. CK, q. NK, tp. Cần Thơ.
37. NLQ37, sinh năm: 1966 (DNTN NL-ÔM)
Trú tại: KV. TX 2, p. TL, q. ÔM, tp. Cần Thơ.
38. NLQ38, sinh năm: 1983 (DNTN MH - Vĩnh Long)
Trú tại: 33/5 PTB, P. 4, tp. VL, Vĩnh Long.
76/5A khóm 4, P. 3, tp. VL, Vĩnh Long.
39. NLQ39, sinh năm: 1973 (Hợp tác xã QT)
Trú tại: 37/10 khóm ĐT, p. MT, tp. LX, An Giang.
40. NLQ40, sinh năm: 1972 (Công ty TNHH HT - TN)
Trú tại: KV. QT 1, p. TK, q. TN, tp. Cần Thơ.
41. NLQ41, sinh năm: 1985
Trú tại: ấp TT, xã TT, huyện TL, tp. Cần Thơ.
42. NLQ42, sinh năm: 1972 (Cửa hàng VLXD SD- TN)
Trú tại: 20/12 khóm HT, p. MT, tp. LX, An Giang.
43. NLQ43, sinh năm: 1972 (Công ty TNHH-MTV-TM-DV-VT VA - Tiền Giang)
Trú tại: ấp 4, xã AH, huyện CB, Tiền Giang.
44. NLQ44, sinh năm: 1968
Trú tại: 26 ấp Đ, xã LĐ, huyện CT, Tiền Giang.
45. NLQ45, sinh năm: 1982 (DNTN-VT NH- Tiền Giang)
Trú tại: 179 ấp T, xã TĐ, huyện CT, Tiền Giang.
46. NLQ46, sinh năm: 1983 (Công Ty cổ phần HGP-TP. Hồ Chí Minh).
Trú tại: 67/21 TMT 9, p. TMT, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh.
47. NLQ47, sinh năm: 1968 (Công ty cổ phần bt 6-TP. Hồ Chí Minh).
Trú tại: 311.1A khu phố TA, p. TĐH, thị xã DA, Bình Dương.
48. NLQ48, sinh năm: 1980 (Công ty TNHH VX)
Trú tại: 657 MĐC, khóm 5, P. 4, tp. ST, Sóc Trăng.
49. NLQ49, sinh năm: 1978 (Công ty TNHH QH)
Trú tại: 235 đường 30-4, p. XK, q. NK, tp. Cần Thơ.
50. NLQ50, sinh năm: 1975 (Công ty TNHH KP)
Trú tại: 656 HG, P. 12, Q. 6, TP. Hồ Chí Minh.
Có người đại diện: Quách Kim P2.
51. NLQ51, sinh năm: 1971 (Công ty TNHH QLH - xe PH - Vĩnh Long)
Trú tại: 11/1C khóm 3, P. 9, tp. VL, Vĩnh Long.

52. NLQ52, sinh năm: 1964 (DNTN PH-An Giang); Trú tại: 115 MVT, p. NS, tp. CD, An Giang.

53. NLQ53, sinh năm: 1964.

Trú tại: 3A 54 TVG, xã PVH, huyện BC, TP. Hồ Chí Minh.

54. NLQ54, sinh năm: 1981

Trú tại: 373/11A KV. 7, p. AB, q. NK, tp. Cần Thơ.

55. NLQ55, sinh năm: 1986 (VLXD PV - Hậu Giang)

Trú tại: xã ĐP, huyện CT, Hậu Giang.

112C KV.PT, p. TP, q. CR, tp. Cần Thơ.

56. NLQ56, sinh năm: 1964 (Công ty TNHH TC- Ninh Kiều)

Trú tại: 58K đường 3-2, p. HL, q. NK, tp. Cần Thơ.

57. NLQ57, sinh năm: 1985 (Công ty cổ phần bt Hamaco)

Trú tại: 8A/5 LHP, p. BT, q. BT, tp. Cần Thơ.

58. NLQ58, sinh năm: 1972 (DNTN MK)

Trú tại: 26A/7 BHN, KV.6, p. BT, tp. Cần Thơ.

59. NLQ59, sinh năm 1978

NLQ59.1, sinh năm: 1975

Trú tại : ấp AN, xã HA, huyện CM, An Giang.

60. NLQ60, sinh năm: 1966 (Công ty TNHH TM)

Trú tại: 121/4 khu phố 1, p. AB, tp. BH, Đồng Nai.

NLQ60.1, sinh năm: 1973

Trú tại: E179D VTS, p. TN, tp. BH, Đồng Nai.

61. NLQ61, sinh năm: 1979

Trú tại: ấp CM, xã XH, huyện KS, Sóc Trăng.

62. NLQ62, sinh năm: 1965

Trú tại: ấp XĐ A, xã HĐK, huyện CT, Sóc Trăng.

63. NLQ63, sinh năm: 1980

Trú tại: KV. 2, p. LH, thị xã NB, Hậu Giang.

64. NLQ64, sinh năm: 1970 (Công ty HT)

Trú tại: ấp MĐ, xã TM, huyện CT, Sóc Trăng.

65. NLQ65, sinh năm: 1986

Trú tại: ấp 15, xã VM B, huyện HB, Bạc Liêu.

66. NLQ66, sinh năm: 1977 (DNTN HH- BT)

Trú tại: 36B tổ 6 KV.4, p. TN, q. BT, tp. Cần Thơ.

NLQ66.1, sinh năm : 1972

Trú tại: KV. BP, p. PT, q. ÔM, tp. Cần Thơ.

67. NLQ67, sinh năm: 1982 (Công ty cổ phần hàng hải ĐA-NK)

Trú tại: 251 VVK, p. AT, q. BT, tp. Cần Thơ.

188/8 NVC, p. AH, q. NK, tp. Cần Thơ.

68. NLQ68, sinh năm: 1970 (Công ty cổ phần đầu tư và phát triển CT-IDICO)

Trú tại: 52/22 khu phố 1, p. BC, q. TĐ, TP. Hồ Chí Minh.

69. NLQ69, sinh năm: 1974 (DNTN-VLXD QC-ÔM)

Trú tại: KV.TN B, p. PT, q. ÔM, tp. Cần Thơ.

70. NLQ70, sinh năm: 1993 (VLXD TC - ÔM); Trú tại: KV. 5, p. CVL, q. ÔM, tp. Cần Thơ

NLQ70.1(Lẻn), sinh năm: 1960.

Trú tại : KV.TH, p. TA, q. ÔM, tp. Cần Thơ.

71. NLQ71, sinh năm: 1977

Trú tại: 74 KV. TĐ, p. PT, q. ÔM, tp. Cần Thơ. Vắng mặt.

72. NLQ72, sinh năm: 1988 (DNTN TT- ÔM)

Trú tại: 1/48 KV.TT, p. TA, q. ÔM, tp. Cần Thơ.

73. NLQ73, sinh năm: 1985 (Công ty TNHH MTV SLP-TN)

Trú tại: 532/26 QL 91, KV. LT A, p. TN, tp. Cần Thơ.

74. NLQ74, sinh năm: 1973 (Hợp tác xã HP- TN)

Trú tại: KV.LT 2, p. TN, q. TN, tp. Cần Thơ.

75. NLQ75, sinh năm: 1975

Trú tại: ấp 6, xã MTN, huyện CL, Tiền Giang.

76. NLQ76, sinh năm: 1972

Trú tại: ấp XC, xã TX, huyện CT A, Hậu Giang.

77.NLQ77, sinh năm: 1967 (Công ty TNHH MTV HP-TN)

Trú tại: 329/16 NCT, KV. LT A, p. TN, q. TN, tp. Cần Thơ.

78. NLQ78, sinh năm: 1984 (DNTN DHT-GR)

Trú tại: ấp 2 xã TP, huyện GR, Bạc Liêu.

79. NLQ79, sinh năm: 1964 (DNTN DN-NK)

Trú tại: 170 đường 3-2, p. HL, q. NK, tp. Cần Thơ.

80. NLQ80, sinh năm: 1955 (Công ty TNHH TT- ÔM)

Trú tại: KV.TĐ, p. PT, q. ÔM, tp. Cần Thơ.

81. NLQ81, sinh năm: 1970 (DNTN - VLXD HB- BT)
Trú tại: 372 NVC, KV. 3, p. AK, q. NK, tp. Cần Thơ.
82. NLQ82, sinh năm: 1983 (DNTN - VLXD - TTNT PT-NK)
Trú tại: 88 đường 3-2, p. XK, q. NK, tp. Cần Thơ.
83. NLQ83, sinh năm: 1966 (Cửa hàng VLXD ML 3 - NK)
Trú tại: 127 MT, p. AH, q. NK, tp. Cần Thơ.
84. NLQ84, sinh năm: 1975 (VLXD YQ-CR)
Trú tại: 16/2E NVD, p. LB, q. CR, tp. Cần Thơ.
149/22 QL 1A , p. LB, q. CR, tp. Cần Thơ.
85. NLQ85, sinh năm: 1977 (Vựa cù tràm VH-NK)
Trú tại: 15A TV, p. HL , q. NK , Tp. Cần Thơ.
86. NLQ86, sinh năm: 1983 (Hợp tác xã PL - Hậu Giang)
Trú tại: 392 ấp TP, thị trấn CT, huyện CT A, Hậu Giang.
87. NLQ87, sinh năm: 1986.
Trú tại: 50 ấp PT, xã TPT, huyện CT A, Hậu Giang.
88. NLQ88, sinh năm: 1971 (Công ty TNHH MTV HMC-CR)
Trú tại: ấp NH, xã NN, huyện PD, tp. Cần Thơ.
89. NLQ89, sinh năm: 1992 (Công ty TNHH TBN- ÔM).
Trú tại: 69/30 VVK, AH, q. NK, tp. Cần Thơ.
90. NLQ90, sinh năm: 1978 (Cửa hàng NT- ÔM)
Trú tại: 958/6 đường 26-3, p. CVL, q. ÔM, tp. Cần Thơ.
91. NLQ91(Xuân), sinh năm: 1983 (Công ty TNHH VT VL-TN)
Trú tại: 136 tổ 6 KV.LT 1, p. TN, q. TN, tp. Cần Thơ.
92. NLQ92, sinh năm: 1967 (Vựa trái cây CH-Kiên Giang)
Trú tại: F19 LTT, p. VQ, tp. RG, Kiên Giang.
93. NLQ93, sinh năm: 1989 (Nước đá BP)
Trú tại: KV. TT 2, p. TN, q. TN, tp. Cần Thơ.
94. NLQ94(công ty TNHH PQ-NK)
Trú tại: 134D NVC, p. AK, q. NK, tp. Cần Thơ.
95. NLQ95, sinh năm: 1975 (Cửa hàng VLXD BÐ-NK)
Trú tại : 270D/8 KV.2, p. AB, q. NK, tp. Cần Thơ.
96. NLQ96, sinh năm: 1972 (DNTN TT-NK)
Trú tại: 522 đường B12 KDC 91B, p. AK, q. NK, tp. Cần Thơ.
97. NLQ97, sinh năm: 1971 (DNTN NTP- BT)

- Trú tại: 376 BHN, p. BT, q. BT, tp. Cần Thơ.
98. NLQ98, sinh năm: 1972 (Cửa hàng VLXD ĐT- BT)
Trú tại: 311/10/1 NVC , p. AH, q. NK, tp. Cần Thơ.
99. NLQ99, sinh năm: 1984 (Vựa cá chợ TA)
Trú tại: 9 tổ 31, KV. 5, p. HP, q. NK, tp. Cần Thơ.
100. NLQ100(Cửa hàng VLXD TT-NK)
Trú tại: 4/7 BHN, p. BT, q. BT, tp. Cần Thơ.
101. NLQ101, sinh năm: 1975 (DNTN ĐV-NK)
Trú tại: 42 ĐT, p. AC, q. NK, tp. Cần Thơ.
102. NLQ102, sinh năm: 1972 (Cửa hàng VLXD NT-NK)
Trú tại: 163B NVC, p. AK, q. NK, tp. Cần Thơ.
103. NLQ103, sinh năm: 1976
Trú tại : 24/64 NT, p. CK, q. NK, tp. Cần Thơ.
104. NLQ104, sinh năm: 1980 (Nước đá CP)
Trú tại: 52B2 LHT, TTTM CK, p. CK, q. NK, tp. Cần Thơ.
105. NLQ105, sinh năm: 1968 (DNTN PT– BT)
Trú tại: 137 TQD, p. AT, q. BT, tp. Cần Thơ.
1482 NVC, p. AK, q. NK, tp. Cần Thơ.
106. NLQ106, sinh năm: 1981 (Công ty cổ phần TL-NK)
Trú tại: 324A/10 HQV, p. AB, q. NK, tp. Cần Thơ.
107. NLQ107, sinh năm: 1977 (Công ty TNHH MH2-NK)
Trú tại: 320/29 TNQ, p. HL, q. NK, tp. Cần Thơ.
108. NLQ108, sinh năm: 1970 (DNTN VLXD TH-NK)
Trú tại : 251/48 TNQ, p. XK, q. NK, tp. Cần Thơ.
109. NLQ109, sinh năm: 1983 (Công ty cổ phần HT-BT)
Trú tại: 76/BT KV.BT A, p. LT, q. BT, tp. Cần Thơ.
110. NLQ110, sinh năm: 1957 (DNTN LP-NK)
Trú tại: 162 đường 3-2, p. HL, q. NK, tp. Cần Thơ.
111. NLQ111, sinh năm: 1972 (Cửa hàng VLXD DT-CR)
Trú tại: 103 TV, p. HL, q. NK, tp. Cần Thơ.
112. NLQ112, sinh năm: 1982 (Công ty TNHH NH)
Trú tại: 70/6A LHP, p. TN, q. NK, tp. Cần Thơ; 118. NLQ112.1, sinh năm: 1970 (Công ty TNHH TM DV MĐ)
Trú tại: 43/8 LHP, phường TN, quận BT, tp. Cần Thơ.

113. NLQ113, sinh năm: 1974

Trú tại: Ấp TH, thị trấn CĐ, huyện CĐ, tp. Cần Thơ; 120. NLQ113.1, sinh năm: 1987

Trú tại: 3/15A, hẻm 16, LHP, p. BT, q. BT, tp. Cần Thơ.

113. NLQ113.2, sinh năm: 1973

TT: 334/3 Khu vực 5, phường AK, quận NK, thành phố Cần Thơ.

114. NLQ114, sinh năm: 1983

Trú tại: 51/12 đường 3-2, p. XK, q. NK, tp. Cần Thơ.

Ấp 2, xã VHH, huyện GQ, Kiên Giang.

115. NLQ115, sinh năm: 1981

Trú tại: 278/32/21 TV, p. HL, q. NK, tp. Cần Thơ.

116. NLQ116, sinh năm: 1985

Trú tại: 51Q/4 NVL, KV.3, p. AK, q. NK, tp. Cần Thơ.

117. NLQ117, sinh năm: 1984

Trú tại: 158G/16, KV.1, p. AK, q. NK, tp. Cần Thơ .

118. NLQ118, sinh năm: 1953

Trú tại: 36/9 đường 3-2, p. HL, q. NK, tp. Cần Thơ.

119. NLQ119, sinh năm: 1964

Trú tại: ấp LH1, xã LP, TX. LM, Hậu Giang.

120. NLQ120, sinh năm: 1980

Trú tại: 116F/3, KV.1, p. AB, q. NK, tp. Cần Thơ.

121. NLQ121, sinh năm: 1960 (Công ty TNHH TD - ÔM)

Trú tại: ấp TP A, xã TT, Huyện TL, tp . Cần Thơ.

122. NLQ122, sinh năm: 1985 (Nước đá 300 TV-NK)

Trú tại: 298A TV, p. HL, q. NK, tp. Cần Thơ.

123. NLQ123, sinh năm: 1987

Trú tại: 48/3 ấp PH, xã HP, huyện LH, Vĩnh Long.

124. Sở giao thông vận tải thành phố CT.

Có ông Trịnh Ngọc V - Phó Giám đốc - đại diện tham dự phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Minh T, Đoàn Vũ D, Võ Hoàng A, Lý Hoàng M, Nguyễn Trần L1 và Hồ Công Th1 là Thanh tra viên thuộc cơ quan Thanh tra giao thông thành phố Cần

Thơ; Trần Lập P1 là nhân viên đội Thanh tra giao thông số 4. Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2016, các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong lĩnh vực thanh tra việc chấp hành pháp luật về giao thông đường bộ, trực tiếp hoặc qua trung gian, nhận tiền của các chủ phương tiện vận tải để không kiểm tra, bỏ qua lỗi hoặc chuyển xử lý lỗi nhẹ nhất. Số tiền thu lợi bất chính đặc biệt lớn. Cụ thể như sau:

1. Đoàn Vũ D đã nhận tổng cộng 2.799.135.000 đồng. Cụ thể như sau:
 - Công ty cổ phần vận tải SG - 88.000.000 đồng.
 - Công ty CP xi măng TĐ - ÔM - 154.000.000 đồng.
 - Công ty TNHH MTV PL - BT - 51.901.000 đồng.
 - Công ty TNHH TTP -Tiền Giang - 892.900.000 đồng.
 - Chành xe NL-NK - 52.000.000 đồng.
 - Công ty TNHH PN - NK - 46.000.000 đồng.
 - Công ty TNHH MTV BT và XD Delta - An Giang - 44.000.000 đồng.
 - Cửa hàng VLXD ĐP-CĐ - 3.500.000 đồng.
 - Cửa hàng VLXD HAL - TN - 30.000.000 đồng.
 - NLQ10 - TN - 7.500.000 đồng.
 - NLQ11 - TN - 26.000.000 đồng.
 - Cửa hàng VLXD MB-AG - 24.450.500 đồng.
 - NLQ13 - TN - 15.500.000 đồng.
 - NLQ14 - An Giang - 4.000.000 đồng.
 - Hợp tác xã VT TT -Tiền Giang - 58.000.000 đồng.
 - Cửa hàng VLXD ML - TN - 16.500.000 đồng.
 - Công ty CP BV-PĐ - 136.000.000 đồng.
 - Công ty CP HN - 28.500.000 đồng.
 - Công ty TNHH THP - TP. Hồ Chí Minh - 297.000.000 đồng.
 - Hợp tác xã HP - Sóc Trăng - 43.000.000 đồng.
 - Doanh Nghiệp tư nhân MN-NK - 14.000.000 đồng.
 - Xí nghiệp VT cảng An Giang - 24.000.000 đồng.
 - Công ty VT QV-CĐ - 31.000.000 đồng.
 - Công ty TNHH QH và HD - TP. Hồ Chí Minh - 84.000.000 đồng.
 - Doanh nghiệp tư nhân VLXD TTP (Nhơn Ái) - TN -20.000.000 đồng.
 - Công ty TNHH PA-TL - 25.000.000 đồng.
 - Công ty TNHH TD - 13.500.000 đồng.
 - Công ty TNHH TP - An Giang - 40.983.000 đồng.

- Doanh nghiệp tư nhân TT-AG - 19.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân VLXD TC -TL - 9.000.000 đồng.
- Công ty TNHH TNT - TP. Hồ Chí Minh - 46.000.000 đồng.
- Công ty TNHH KD - TP. Hồ Chí Minh - 46.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV NLQ33 -Tiền Giang - 27.000.000 đồng.
- Công ty CP công trình giao thông ĐN - 33.000.000 đồng.
- Công ty TNHH HN - Đồng Tháp - 3.500.000 đồng.
- Công ty VT LS - 2.900.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân NL-ÔM - 40.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân MH - Vĩnh Long - 11.000.000 đồng.
- Hợp tác xã QT - 49.000.000 đồng.
- Công ty TNHH HT - TN - 3.000.000 đồng.
- NLQ41 - TL - 3.000.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD SD- TN - 26.000.000 đồng.
- Công ty TNHH VA - Tiền Giang - 3.000.000 đồng.
- NLQ44 - 12.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân VT NH-Tiền Giang - 56.000.000 đồng.
- Công ty CP HGP - TP. Hồ Chí Minh - 5.000.000 đồng.
- Công ty CP bt 6 - TP. Hồ Chí Minh - 6.000.000 đồng.
- Công ty TNHH VX - Sóc Trăng - 35.000.000 đồng.
- Công ty TNHH QH - NK - 6.000.000 đồng.
- Công ty TNHH KP - 20.000.000 đồng.
- Công ty TNHH QLH (xe PH-Vĩnh Long) -24.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân PH - An Giang - 7.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị Ngọc B3 - TP. Hồ Chí Minh - 6.000.000 đồng.
- Võ Thanh H3 - Vĩnh Long - 16.000.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD PV - Hậu Giang - 2.000.000 đồng.
- Công ty TNHH TC- NK - 6.000.000 đồng.
- Công ty CP bt Hamaco - 6.000.000 đồng.

Tổng cộng là 57 doanh nghiệp và cá nhân với 2.799.134.500 đồng. Trong đó Nguyễn Văn C1 nhận của 50 doanh nghiệp và cá nhân, rồi chuyển qua tài khoản cho D là 2.675.635.000 đồng. D cho C1 hưởng lợi 71.000.000 đồng. Trần Tường A1 nhận của 5 doanh nghiệp và cá nhân, rồi giao lại cho D 53.000.000 đồng. A1 không có hưởng lợi riêng. Lý Hoàng M có chuyển cho D 17.500.000 đồng và Dương Minh T chuyển cho D 11.000.000 đồng (của cty HN). Số tiền còn lại do

các tổ chức và cá nhân chuyển qua tài khoản Nguyễn Giang C2. Duy đã trực tiếp rút số tiền này bằng thẻ ATM.

2. Võ Hoàng A đã nhận trực tiếp và qua các tài khoản: Huỳnh Hoàng L3 (là bạn của Hoàng A) và NLQ115 (vợ của Hoàng A), tổng cộng 536.434.000 đồng. Cụ thể như sau :

- Doanh nghiệp tư nhân MK - 78.000.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD HAL - TN - 1.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân HH- BT - 34.000.000 đồng.
- Công ty CP hàng hải ĐA-NK - 35.934.000 đồng.
- Công ty TNHH TM - Đồng Nai - 61.000.000 đồng.
- Công ty CP ĐT & PT CTIDICO - Đồng Nai - 33.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân VLXD QC - ÔM - 42.000.000 đồng.
- Công ty VT LS - NK - 2.000.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD TC - ÔM - 24.000.000 đồng.
- Hợp tác xã QT - An Giang - 2.000.000 đồng.
- NLQ71 - ÔM - 2.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân TT- ÔM - 18.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV SLP - TN - 4.000.000 đồng.
- Hợp tác xã HP- TN- 6.000.000 đồng.
- NLQ75 - Tiền Giang - 35.000.000 đồng.
- NLQ44 - Tiền Giang - 46.000.000 đồng.
- NLQ76 - Hậu Giang - 500.000 đồng.
- Công ty TNHH VX - Sóc Trăng - 16.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV HP - TN - 6.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân DHT-GR , Bạc Liêu - 21.500.000 đồng.
- Công ty TNHH QLH (xe PH - Vĩnh Long) - 6.000.000 đồng.
- NLQ54 - NK - 3.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân DN-NK - 4.000.000 đồng.
- Công ty TNHH TT- ÔM - 2.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân VLXD HB- BT - 3.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân TTNT VLXD PT-NK - 2.000.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD ML 3 - NK - 4.000.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD YQ-CR - 10.000.000 đồng.
- Vựa cù tràm VH-NK - 6.000.000 đồng.

- Hợp tác xã PL - Hậu Giang - 4.000.000 đồng.
- NLQ87 - Hậu Giang - 6.000.000 đồng.
- Công ty TNHH NH - BT - 15.000.000 đồng.
- Công ty TNHH HMC-CR - 3.000.000 đồng.

Tổng cộng là 33 doanh nghiệp và cá nhân với 536.434.000 đồng. Trong đó, Nguyễn Văn C1 nhận 46.000.000 đồng của NLQ44 rồi chuyển qua tài khoản Huỳnh Hoàng L3 và NLQ115, nhận 12.000.000 đồng của QLH rồi giao lại cho Hoàng A. A giao cho P1 6.000.000 đồng, hưởng riêng 6.000.000 đồng.

3. Lý Hoàng M đã nhận trực tiếp và qua các tài khoản: NLQ93 (là bạn của M) và NLQ116 (là vợ của M), tổng cộng 239.384.500 đồng. Cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp tư nhân MK - 24.000.000 đồng.
- NLQ11 - TN - 2.000.000 đồng.
- Công ty TNHH HN - Đồng Tháp - 8.000.000 đồng.
- Công ty TNHH TBN- ÔM - 3.000.000 đồng.
- Cửa hàng NT- ÔM - 3.000.000 đồng.
- Công ty TNHH VL - TN - 14.000.000 đồng.
- Vựa trái cây CH - Kiên Giang - 1.500.000 đồng.
- NLQ93 - TN - 6.000.000 đồng.
- Công ty TNHH PQ-NK- 2.000.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD BÐ-NK - 6.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân DN-NK - 15.000.000 đồng.
- Công ty TNHH TT- ÔM - 6.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân TT-NK - 2.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân TTNT-VLXD PT - NK - 2.000.000 đồng.
- Công ty CP bt Hamaco - BT - 6.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân NTP- BT - 2.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MĐ - BT - 2.000.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD ĐT- BT - 8.000.000 đồng.
- Vựa cá NLQ99 chợ TA - NK - 7.000.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD TT-NK - 5.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân ĐV-NK - 1.000.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD NT-NK - 2.000.000 đồng.
- Công ty bê tông TĐ - 2.000.000 đồng.
- NLQ103 - NK - 1.000.000 đồng.
- Nước đá CP - 1.500.000 đồng.

- Doanh nghiệp tư nhân HPT - BT - 1.500.000 đồng.
- Công ty CP TL-NK - 2.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MH2-NK - 2.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân VLXD TH - NK - 1.000.000 đồng.
- Công ty CP HT (BT) - 26.000.000 đồng.
- Công ty CP HN (TP. Hồ Chí Minh) - 62.384.500 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân LP - NK - 6.000.000 đồng.
- Nước đá 300 TV - 2.000.000 đồng.

Tổng cộng là 33 doanh nghiệp và cá nhân với 239.384.500 đồng. M đã chuyển cho Dương Minh T và Đoàn Vũ D 116.384.500 đồng (T - 98.884.500 đồng, D - 17.500.000 đồng). Còn lại 123.000.000 đồng.

4. Dương Minh T đã nhận tổng cộng 413.384.500đ. Cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp tư nhân MK - 27.000.000 đồng.
- Công ty CP HN - 41.384.500 đồng.
- Công ty TNHH TD - ÔM - 134.000.000 đồng.
- NLQ113 - CĐ - 8.000.000 đồng.
- Công ty TNHH TC- NK - 20.000.000 đồng.
- Nước đá 300 TV-NK - 40.000.000 đồng.
- Công ty CP HT - BT - 24.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân DN-NK - 15.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MĐ - BT - 32.000.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD ĐT- 6.000.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD DT-CR - 14.000.000 đồng.
- Doanh Nghiệp tư nhân LP-NK - 6.000.000 đồng.
- Công ty TNHH NH - 44.000.000 đồng.

Tổng cộng là 13 doanh nghiệp và cá nhân với 411.384.500 đồng. Trong đó có 116.384.500 đồng do M nhận dùm, rồi giao lại cho T. Trong đó có 62.384.500 đồng - T đã chỉ đạo cho M nhận của công ty HN. Sau đó M đã giao lại cho D 17.500.000 đồng và giao lại cho T 44.384.500 đồng. T giao thêm cho D 11.000.000 đồng, chỉ hưởng riêng 33.384.500 đồng. M đã nhận 2.000.000 đồng của Nước đá 300 TV, nhưng chưa kịp giao lại cho T. T đã đồng ý để cho M nhận 9.500.000 đồng của 4 doanh nghiệp: công ty TNHH TT, DNTN ĐV, DNTN PT và DNTN-VLXD TH.

5. Trần Lập P1 đã nhận tổng cộng 47.500.000 đồng. Cụ thể như sau :

- Công ty VT QV-CĐ - 4.500.000 đồng.
- Công ty TNHH KD - TP. Hồ Chí Minh - 2.000.000 đồng.

- Công ty TNHH TM - Đồng Nai - 9.000.000 đồng.
- Công ty TNHH VT VX - Sóc Trăng - 16.000.000 đồng.
- NLQ61 - KS , Sóc Trăng - 1.000.000 đồng.
- NLQ62 - CT , Sóc Trăng - 6.000.000 đồng.
- NLQ63 - TX. NB , Hậu Giang - 1.000.000 đồng.
- Công ty HT - 1.000.000 đồng.
- Công ty TNHH QLH - Vĩnh Long - 6.000.000 đồng.
- NLQ65- HB , Bạc Liêu - 1.000.000 đồng.

Tổng cộng là 10 doanh nghiệp và cá nhân với 47.500.000 đồng. Trong đó có 6.000.000 đồng do Hoàng A giao (trong số 12.000.000 đồng do C1 nhận từ công ty QLH - xe PH; 2.000.000 đồng do C1 giao nhận từ công ty KD).

6. Nguyễn Trần L1 đã nhận 16 lần với tổng số tiền là 26.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp tư nhân MK - 2.000.000 đồng.
- NLQ59 - An Giang - 24.000.000 đồng.

7. Hồ Công Th1 đã nhận của công ty TNHH TM DV VT KP 4 lần với tổng số tiền là 25.000.000đ .

8. Nguyễn Văn C1 làm thuê cho các doanh nghiệp vận tải. C1 đi theo các xe của doanh nghiệp và đã tiếp cận với lực lượng thanh tra giao thông, lực lượng cảnh sát giao thông, để xin bỏ qua các lỗi vi phạm quy định về an toàn giao thông vận tải. Từ đó C1 đã làm trung gian, giao nhận tiền giữa một số người trong các lực lượng này với các doanh nghiệp và cá nhân có phương tiện vận tải đi qua các địa bàn thuộc quyền quản lý. Số tiền đã nhận cụ thể như sau:

- Công ty CP SX-TM-DV-VT Sài Gòn - 88.000.000 đồng.
- Công ty CP VT xi măng Tây Đô - 154.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV PL - 53.901.000 đồng.
- Công ty TNHH TTP - 892.900.000 đồng.
- Hành xe NL-NK- 32.000.000 đồng.
- Công ty TNHH PN-NK - 46.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV bt và xây dựng Delta (An Giang) - 44.000.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD HAL (TN) - 28.000.000 đồng.
- NLQ10 (TN) - 7.500.000 đồng.
- NLQ11 (TN) - 26.000.000 đồng.
- VLXD MB (LX) - 24.450.000 đồng.
- NLQ13 (TN) - 15.500.000 đồng.

- NLQ14 (An Giang) - 4.000.000 đồng.
- Hợp tác xã VT TT (Tiền Giang) - 56.500.000 đồng.
- Cửa hàng VLXD ML (TN) - 16.500.000 đồng.
- Công ty CP BV (PĐ) - 128.000.000 đồng.
- Công ty TNHH TM-DV THP (TP.Hồ Chí Minh) - 297.000.000 đồng.
- Hợp tác xã VT HP (Sóc Trăng) - 43.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân VT MN-NK - 14.000.000 đồng.
- Xí nghiệp VT Cảng An Giang - 24.000.000 đồng.
- Công ty VT TV (CĐ) - 31.000.000 đồng.
- Công ty TM-VT QH và TNHH HD (TP. Hồ Chí Minh) -84.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân VLXD TTP (TN) - 20.000.000 đồng.
- Công ty TNHH TM-DV PA (TL) - 25.000.000 đồng.
- Công ty TNHH SX-TM TD (TL) - 3.000.000 đồng.
- Công ty TNHH SX-TM TP (An Giang) - 40.983.500 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân TT (An Giang) - 19.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân VLXD TC (TL) - 9.000.000 đồng.
- Công ty TNHH TNT (TP. Hồ Chí Minh) - 46.000.000 đồng.
- Công ty TNHH KD (TP. Hồ Chí Minh) - 48.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV NLQ33 (Tiền Giang) - 27.000.000 đồng.
- Công ty CP công trình giao thông ĐN - 33.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV SX-TM HN - 3.500.000 đồng.
- Công ty VT LS – NL-NK - 2.900.000 đồng.
- Doanh Nghiệp tư nhân NL-ÔM - 40.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân MH (Vĩnh Long) - 11.000.000 đồng.
- Hợp tác xã QT - 49.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV HT (TN) - 3.000.000 đồng.
- NLQ41 (TL) - 3.000.000 đồng.
- NLQ42 - VLXD SD(TN) - 26.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV TM-DV-VT VA (Tiền Giang) - 3.000.000 đồng.
- NLQ44 (Tiền Giang) - 58.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân VT NH(Tiền Giang) - 56.000.000 đồng.
- Công ty CP TM - DV HGP (TP. Hồ Chí Minh) - 5.000.000 đồng.
- Công ty CP bt 6 (TP. Hồ Chí Minh) - 6.000.000 đồng.

- Công ty TNHH QLH (xe PH - Vĩnh Long) - 36.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp tư nhân PH (An Giang) - 7.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị Ngọc B3 (TP . Hồ Chí Minh) - 5.000.000 đồng.
- Nguyễn Minh L4 và Võ Thanh H3 - 14.000.000 đồng.
- VLXD PV (Hậu Giang) - 2.000.000 đồng.

Tổng cộng C1 đã nhận 2.735.635.000 đồng của 50 tổ chức và cá nhân, qua 6 tài khoản, rồi chuyển cho D 2.675.635.000 đồng qua 2 tài khoản Nguyễn Giang C2 và Trần Tường A1 (do D chỉ đạo mở), chuyển cho Hoàng A 58.000.000 đồng qua 2 tài khoản Huỳnh Hoàng L3 và NLQ115, chuyển cho P1 2.000.000 đồng. Theo chỉ đạo của D, C1 đã mở 4 tài khoản gồm: Nguyễn Văn C1, NLQ123 và Lê Văn G tại Sacombank chi nhánh Cần Thơ, Nguyễn Hoàng V1 tại Sacombank chi nhánh Vĩnh Long; mượn 2 tài khoản gồm: Nguyễn Ngọc L5 tại Sacombank chi nhánh Vĩnh Long và Hà Thị Cẩm Th5 tại Sacombank chi nhánh An Giang, để nhận tiền từ các doanh nghiệp và cá nhân. C1 được D cho hưởng lợi 71.000.000 đồng.

9. Trần Tường A1 là bạn cùng học trường trung học phổ thông và làm thuê tại xưởng sửa chữa xe cuốc của D với tiền lương là 4.000.000 đồng/tháng. Theo chỉ đạo của D, A1 đã mở 2 tài khoản gồm: Trần Tường A1 tại Sacombank chi nhánh Cần Thơ và Nguyễn Giang C2 tại Vietcombank chi nhánh Cần Thơ (D đưa Giấy CMND cho A1 để mở tài khoản), để nhận tiền do các tổ chức và cá nhân chuyển đến cho D. A1 giao thẻ ATM mang tên Nguyễn Giang C2 cho D giữ và có trực tiếp rút tiền 4 lần từ tài khoản này. Số tiền mà A1 trực tiếp nhận, gồm:

- Cửa hàng VLXD ĐP-CD - 3.500.000 đồng.
- Công ty TNHH SX - TM TD (TL) - 10.500.000 đồng.
- Công ty VX (Sóc Trăng) - 27.000.000 đồng.
- Công ty TNHH TC(NK) - 6.000.000 đồng.
- Công ty CP bt Hamaco - 6.000.000 đồng.

A1 giao lại cho D, không có hưởng lợi riêng. Ngoài ra, A1 còn trực tiếp đi nhận tiền và còn nhờ Nguyễn Châu T4 (là cậu ruột) đi nhận tiền, rồi giao lại cho D. T4 nhận tiền xăng xe từ 50.000 đồng - 200.000 đồng/chuyến. Do tiền để trong phong bì nên A1 và T4 không biết có bao nhiêu tiền trong đó. T4 không biết mục đích của việc giao nhận phong bì. C1 đã chuyển qua trung gian A1 là 296.400.000 đồng. A1 và T4 trực tiếp nhận là 53.000.000 đồng. Tổng cộng A1 đã nhận và chuyển cho D là 349.400.000 đồng. A1 phải chịu trách nhiệm đồng phạm với D.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố: các bị cáo Đoàn Vũ D, Võ Hoàng A, Dương Minh T, Lý Hoàng M, Trần Lập P1, Hồ Công Th1, Nguyễn Trần L1, Nguyễn Văn C1 và Trần Tường A1 phạm tội “Nhận hối lộ”.

Áp dụng: Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29-6-2016 của Quốc hội khóa 13, khoản 3 điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13-9-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 354, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Đoàn Vũ D tù chung thân. Thời hạn tù tính từ 20-7-2016.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 354, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Nguyễn Văn C1 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ 16-7-2016.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 354, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Võ Hoàng A 15 năm tù. Thời hạn tù tính từ 18-7-2016.

Áp dụng các điểm c và đ khoản 2 Điều 354, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt :

- Dương Minh T 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ 15-8-2016.
- Lý Hoàng M 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ 16-7-2016.
- Trần Tường A1 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ 07-12-2016.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 354, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Trần Lập P1 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ 07-12-2016 đến 25-01-2017.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 354, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt :

- Nguyễn Trần L1 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ 07-12-2016 đến 16-3-2017.
- Hồ Công Th1 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ 07-12-2016 đến 18-01-2017.

Áp dụng: khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015. Phạt bổ sung đối với các bị cáo:

- Đoàn Vũ D 70.000.000 đồng.
- Nguyễn Văn C1 10.000.000 đồng.
- Võ Hoàng A 10.000.000 đồng.
- Dương Minh T 10.000.000 đồng.
- Lý Hoàng M 10.000.000 đồng.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Buộc các bị cáo phải nộp tiền đã nhận hồi lộ để sung quỹ Nhà nước. Cụ thể như sau:

Đoàn Vũ D - 2.728.134.000 đồng.

Võ Hoàng A - 536.434.000 đồng.

Dương Minh T - 411.384.000 đồng.

Lý Hoàng M - 123.000.000 đồng.

Trần Lập P1 - 47.500.000 đồng.

Nguyễn Trần L1 - 26.000.000 đồng.

Hồ Công Th1 - 25.000.000 đồng.

Nguyễn Văn C1 - 71.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tiếp tục giữ số tiền do gia đình của các bị cáo đã nộp để thi hành án. Cụ thể như sau :

Võ Hoàng A - 100.000.000 đồng.

Dương Minh T - 150.000.000 đồng.

Lý Hoàng M - 50.000.000 đồng.

Trần Lập P1 - 40.500.000 đồng.

Nguyễn Trần L1 - 26.000.000 đồng.

Hồ Công Th1 - 25.000.000 đồng.

- Cho NLQ120 (vợ của bị cáo Trần Tường A1) nhận lại 20.000.000 đồng đã nộp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 12/7/2017, bị cáo Nguyễn Trần L1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/7/2017, bị cáo Dương Minh T, Võ Hoàng A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/7/2017, bị cáo Lý Hoàng M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17/7/2017, bị cáo Nguyễn Văn C1, Hồ Công Th1, Trần Lập P1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/7/2017, bị cáo Đoàn Vũ D có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 17/7/2017, bị cáo Trần Tường A1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 31/8/2017 bị cáo Trần Tường A1 có đơn xin rút kháng cáo.

Ngày 14/10/2017 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra thông báo rút kháng cáo đối với bị cáo Trần Tường A1.

XÉT THẤY:

Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo Dương Minh T, Võ Hoàng A, Lý Hoàng M, Nguyễn Văn C1, Hồ Công Th1, Trần Lập P1 xin giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân nhận thấy tội lỗi nên ăn năn hối hận, khai báo thành khẩn, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, là lao động chính trong gia đình.

Tại đơn kháng cáo bị cáo Đoàn Vũ D kêu oan cho rằng bị cáo không phạm tội nhận hối lộ như Tòa án cấp sơ thẩm đã xử. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận có hành vi nhận hối lộ, song bị cáo cho rằng bị cáo nhận số tiền ít hơn số tiền tòa án cấp sơ thẩm quy kết, tuy nhiên số tiền cụ thể bao nhiêu bị cáo không nhớ chính xác.

Bị cáo Nguyễn Trần L1 đề nghị xem xét lại tội danh "Nhận hối lộ", bị cáo cho rằng bị cáo chỉ phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn" để nhận tiền trái pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận tội danh như tòa án cấp sơ thẩm quy kết chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong vụ án này còn có bị cáo Trần Tường A1 cũng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng đến ngày 31/8/2017 bị cáo đã rút đơn kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo A1 và bản án hình sự sơ thẩm đã xử đối với bị cáo A1 đã có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu các căn cứ, tài liệu, chứng cứ đã thu thập được đã xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo đúng tội danh và hình phạt theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo có ý kiến:

Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Hoàng A: bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bị cáo cũng đã nộp thêm bằng khen của cá nhân bị cáo, huân chương của cha bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, chỉ xử phạt bị cáo từ 9 đến 10 năm tù như vậy cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trần L1 cho rằng tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bị cáo chưa có tiền án tiền sự, khai báo thành khẩn ăn năn hối hận là chưa đủ, bị cáo là người có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác nên đây là tình tiết giảm nhẹ mới vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hồ Công Th1: bị cáo Th1 chỉ nhận 25.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét gia đình bị cáo có công với nước, bản thân bị cáo có nhiều thành tích trong công tác. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân đang bị bệnh. Với nhiều tình tiết giảm nhẹ mới như đã nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử chỉ xử phạt bị cáo ở khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự 2015.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C1: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo C1 đã thừa nhận hành vi phạm tội nên cần áp dụng tình tiết khai báo thành khẩn, bị cáo đã nộp thêm số tiền thu lợi bất chính, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, hưởng lợi với số tiền rất ít (75 triệu); bị cáo còn có hoàn cảnh gia đình khó

khẩn. Với nhiều tình tiết giảm nhẹ mới như trên đề nghị Hội đồng xét xử giảm bớt hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đoàn Vũ D có ý kiến: Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo D nhận hối lộ số tiền 2.799.135.000 đồng là chưa đủ căn cứ bởi chỉ căn cứ vào lời khai của Nguyễn Văn C1 là chưa đảm bảo tính khách quan chưa đầy đủ. Luật sư cho rằng các tài liệu cơ quan điều tra thu thập như việc chuyển tiền qua tài khoản, việc C1n chi tiền cho D không phù hợp với số liệu đã quy kết D nhận hối lộ. Theo lời khai của bị cáo C1 thì còn có một người tên Tr môi giới giữa C1 với D, việc nhận tiền của các nhà xe Tr có vai trò chủ yếu; cơ quan điều tra chưa xác định Tr là ai, có lời khai của Tr sẽ làm rõ được số tiền đủ việc đổi chất, nhận diện để làm rõ sự thật khách quan vụ án nên không thể xác định đúng chính xác số tiền D đã nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kỹ các chứng cứ xác định bị cáo D thực nhận bao nhiêu tiền thì xử phạt ở mức độ đó. Theo Luật sư thì D nhận tiền ít hơn nhiều so với số tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm quy kết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chỉ xử phạt bị cáo D ở mức tù có thời hạn dựa trên số tiền thực nhận.

Viện kiểm sát kiến nghị: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các điều luật của Bộ luật hình sự năm 2015 mà không áp dụng các điều luật của Bộ luật hình sự năm 1999 là chưa đúng quy định của pháp luật.

Kiến nghị cơ quan điều tra nhanh chóng điều tra truy tố xét xử đối với một số doanh nghiệp cá nhân có hành vi đưa hối lộ có số tiền đưa hối lộ lớn cũng như cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của kiểm sát viên, các luật sư bào chữa cho các bị cáo, và các bị cáo tự bào chữa và nói lời sau cùng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Dương Minh T - Phó Chánh thanh tra giao thông thành phố Cần Thơ, Đoàn Vũ D – Đội trưởng Đội 11 TTGT thành phố Cần Thơ phụ trách địa bàn quận BT; Võ Hoàng A - Đội trưởng Đội 3 TTGT thành phố Cần Thơ phụ trách địa bàn quận NK; Nguyễn Trần L1 - Đội trưởng Đội 6 TTGT thành phố Cần Thơ phụ trách địa bàn quận TN; Lý Hoàng M - Đội phó Đội 3 TTGT thành phố Cần Thơ phụ trách địa bàn quận NK; Hồ Công Th1 - Đội phó Đội 7 TTGT thành phố Cần Thơ phụ trách huyện PD; Trần Lập P1 cán bộ Đội 4, TTGT thành phố Cần Thơ phụ trách địa bàn quận CR trực thuộc Sở giao thông vận tải thành phố CT đã cấu kết với Trần Tường A1, Nguyễn Văn C1 thỏa thuận với một số doanh nghiệp, cá nhân có xe ô tô hoạt động kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa để không bắt hoặc bắt các lỗi nhẹ khi vi phạm giao thông đường bộ. Hàng tháng hoặc từng lần vi phạm các doanh nghiệp, cá nhân giao nộp tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản cá nhân theo yêu cầu của các đối tượng với số tiền ít nhất là 1.000.000 đồng/tháng, nhiều nhất là 28.000.000 đồng/tháng.

Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2016 các bị cáo đã nhận của 57 chủ phương tiện vận tải với số tiền 2.799.134.500 đồng. Như vậy các bị cáo D, A, M, T, P1, Thiện và L1 là Thanh tra viên và nhân viên thuộc TTGT thành phố Cần Thơ đã không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao mà còn lợi dụng chức vụ quyền hạn để nhận tiền của các doanh nghiệp và cá nhân vận tải để rồi sau đó

không kiểm tra hoặc xử lý nhẹ khi có vi phạm. Bị cáo C1 có hành vi giúp sức cho các bị cáo khác phạm tội. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo về tội " Nhận hối lộ" là có căn cứ.

Riêng bị cáo D cho rằng bị cáo nhận số tiền ít hơn nhiều so với số liệu Tòa án cấp sơ thẩm quy kết. Song căn cứ vào lời khai của các bị cáo khác trong cùng vụ án như Nguyễn Văn C1, Võ Hoàng A, Dương Minh T và Trần Tường A1 cũng như lời khai của các doanh nghiệp, cá nhân đã nộp tiền cho các bị cáo. Cụ thể nhất là lời khai của bị cáo C1 là người môi giới, trung gian giữa D và khách hàng. C1 xác nhận đã trực tiếp quan hệ và đưa tiền cho D. Do đó lời nại trên của bị cáo D là không có căn cứ và nhằm trốn tránh trách nhiệm. Vì vậy kháng cáo của bị cáo D không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Trong một thời gian dài các bị cáo đã không thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao là tranh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực giao thông vận tải đường bộ mà ngược lại, câu kết với các đối tượng ngoài xã hội để bỏ qua hoặc xử lý nhẹ vi phạm để nhận tiền của các chủ phương tiện giao thông vận tải để chia nhau tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến đội ngũ cán bộ công chức thuộc thanh tra giao thông mà còn gây sự phẫn nộ trong xã hội khi pháp luật về an toàn giao thông bị buông lỏng, bị coi thường. Do đó cần phải xử phạt nghiêm để đảm bảo tính giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện và răn đe phòng ngừa chung.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Dương Minh T, Lý Hoàng M, Nguyễn Văn C1, Trần Lập P1, Hồ Công Th1, Nguyễn Trần L1 và Đoàn Vũ D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cũng như xác định chính xác số tiền các bị cáo đã nhận của các doanh nghiệp vận tải và cá nhân. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo như các bị cáo trước khi phạm tội đều là cán bộ thanh tra giao thông, chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội đã tỏ ra ăn năn hối hận khai báo thành khẩn, đã nộp lại một số tiền thu lợi bất chính, gia đình của một số bị cáo có công với nước và có hoàn cảnh khó khăn để xử phạt các bị cáo mức án phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt có nộp biên lai đã đóng tiền thu lợi bất chính nhưng đây không phải là chứng cứ mới nên không thể chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cũng như đề nghị của các luật sư bào chữa cho các bị cáo.

Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điều luật của Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành để xét xử các bị cáo là chưa chính xác nên cần sửa lại cho phù hợp.

Riêng đối với bị cáo Võ Hoàng A sau khi xử sơ thẩm đã nộp các giấy tờ xác định gia đình có công với cách mạng, bản thân bị cáo có nhiều thành tích trong quá trình công tác, cụ thể: cha bị cáo Hoàng A có huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì và ba do có đóng góp đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu

nước, bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, Hội đồng xét xử xét đây là tình tiết mới, thể hiện sự ăn năn hối hận của bị cáo cũng như bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình do đó chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Hoàng A.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Minh T, Lý Hoàng M, Nguyễn Văn C1, Đoàn Vũ D, Nguyễn Trần L1, Hồ Công Th1, Trần Lập P1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Hoàng A sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Đoàn Vũ D, Võ Hoàng A, Dương Minh T, Lý Hoàng M, Trần Lập P1, Hồ CôngThiện, Nguyễn Trần L1, Nguyễn Văn C1 phạm tội "Nhận hối lộ".

Áp dụng Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội khóa 13, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 279, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đoàn Vũ D tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2016.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 279, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2016.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 279, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng A 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2016.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 279, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Dương Minh T 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/8/2016.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 279, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lý Hoàng M 9 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2016.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 279, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Lập P1 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt đầu chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 17/12/2016 đến ngày 25/01/2017.

Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 279, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần L1 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ 07/12/2016 đến ngày 16/3/2017.

Bị cáo Hồ Công Th1 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt đầu chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giam từ 07/12/2016 đến ngày 18/01/2017.

Kiến nghị cơ quan điều tra nhanh chóng khởi tố điều tra để tiếp tục xử lý một số doanh nghiệp và cá nhân có hành vi đưa hối lộ trong vụ án đã được xác định có số tiền lớn và rất lớn.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo D, T, M, L1, C1, Th1, P1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng. Riêng bị cáo Võ Hoàng A không phải nộp án phí phúc thẩm hình sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND Tp. Cần Thơ (1);
- VKSND Tp. Cần Thơ (1);
- Cục THADS Tp. Cần Thơ (1);
- CA Tp. Cần Thơ (1);
- Sở tư pháp Tp. Cần Thơ (1);
- TTGCA Tp. Cần Thơ (7);
- BCTN (3)
- Lưu (3).14b.Án 18.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Ba